TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2019
V/v: Xin ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Thành Phúc
2. Bà Lý Phòl Ly

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 10/11/1985. (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Chị Lưu Ngọc Tr, sinh năm 1986. (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh, chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký hôn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, xung đột về tính

cách dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn hòa hợp được. Nay đến Tòa, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung tên Trần Hoàng T2 sinh ngày 20/9/2006 giới tính nam và Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 giới tính nam. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh và chị Tr đã tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể anh nhận nuôi cháu Trần Hoàng T2 sinh ngày 20/9/2006 và tự nguyện không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng. Đồng thời anh thống nhất giao con chung là cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống anh chị có một số tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận phân chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lưu Ngọc Tr trình bày:

Chị hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của anh T về tình trạng hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung, nợ chung. Ngoài ra và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, chị yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Thông nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn với nhau.

Về con chung: Theo sự thỏa thuận trước đây với anh T, chị đồng ý nhận nuôi cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Về đường lối xét xử, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận anh T và chị Tr là vợ chồng.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung để xem xét giao con chung là cháu Trần Hoàng T2, sinh ngày 20/9/2006 giới tính nam cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 giới tính nam cho chị Tr nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, chị Tr không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Án phí: Nguyên đơn anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Anh Trần Văn T nộp đơn xin ly hôn với chị Lưu Ngọc Tr được Tòa án thụ lý ngày 18/02/2019 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân, con chung giữa anh, chị. Mặt khác, anh T khởi kiện xin ly hôn chị Tr có địa chỉ tại ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo các Điều 26 và Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, anh T và chị Tr đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo là vi phạm những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, T sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và T sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Như vậy, việc chung sống của anh T và chị Tr do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh T và chị Tr có hai con chung tên Trần Hoàng T2, sinh ngày 20/9/2006 giới tính nam và cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 giới tính nam hiện đang sống với anh, chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Tr đã tự thỏa thuận xong về việc giải quyết quan hệ con chung mặt khác trên cơ sở nguyện vọng của con chung trên là cháu Trần Hoàng T2. Hội đồng xét xử có cơ sở để ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung cụ thể như sau:

Giao con chung là cháu Trần Hoàng T2, sinh ngày 20/9/2006, giới tính nam cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; Giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 giới tính nam cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị Tr tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy HĐXX không xét; nợ chung không có.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Lưu Ngọc Tr là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị Tr về việc giao con chung là cháu Trần Hoàng T2, sinh ngày 20/9/2006, giới tính nam cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; Giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 29/01/2017 giới tính nam cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm năm 2014.

- Về tài sản chung: Anh T, chị Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn anh Trần Văn T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004785 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Nay anh T không phải nộp thêm.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/3/2019);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND xã V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Hồng Phong